Tên: ……..

Lớp: S4…

Ngày làm bài: Thứ….., ngày…./….

Nghe: …...

Listening Intensive

❖ **CLASSWORK: Extra vocabulary for FLYERS – Part 2**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**camping trip** (n)	chuyến đi cắm trại	3	**light** (n)	ánh sáng
2	**suitcase** (n)	va-li			

❖ **CLASSWORK: Extra vocabulary for KET – Part 1**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**museum** (n)	bảo tàng	2	**cinema** (n)	rạp chiếu phim

❖ **HOMEWORK: Extra vocabulary for FLYERS – Part 2**

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**add** (v)	thêm vào	2	**bowl** (n)	cái bát

*__Note__: *n = noun: danh từ; v = verb: động từ.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

❖ **Mẹo: Dự đoán đáp án**

1. Đọc câu hỏi kỹ → gạch chân từ khóa (day, place, time, thing…).

2. Đoán chủ đề cần điền → là người, địa điểm, giờ, đồ vật hay hành động.

3. Nghe cẩn thận → tìm chi tiết trùng với từ khóa, chú ý cách nói đồng nghĩa.

4. Kiểm tra lại → điền xong đọc cả câu, xem có hợp ngữ cảnh & ngữ pháp không.

__**Ví dụ:**__

Bước 1: Đọc kỹ câu hỏi

Câu: *" Meet at:"* → yêu cầu **điền địa điểm gặp mặt**.

Đây là dạng câu hỏi "nơi chốn" → cần nghe xem người nói nhắc đến **địa điểm chính xác** nào.

Bước 2: Đoán chủ đề

Đoán: Cần điền **một địa điểm gặp mặt** như *school gate, park, bridge, station,…*

Bước 3: Nghe audio

Script: *WOMAN: Hello, everyone. Please listen carefully, because I'm going to tell you some important things about our school camping trip to the lake this weekend. First, we are going to meet at Kirby Bridge. Write this in your books, please. That's K-I-R-B-Y. You all know that place, don't you?*

👉 Nghe thấy rõ cụm "meet at Kirby Bridge"

Bước 4: Kiểm tra lại

Đọc lại câu: *"Meet at: Kirby Bridge"* → đúng ngữ pháp, phù hợp với nội dung "nơi gặp mặt".

Kết luận: Câu trả lời chính xác là **Kirby**.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-for-numbers-and-missing-words-11

❖ **Pre-listening**

Sort the words/phrases in the box into the correct columns.

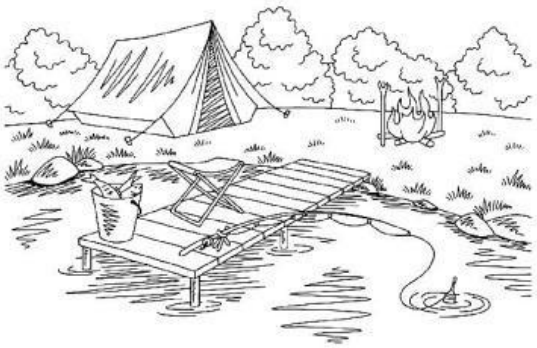
~~*Kirby Bridge*~~	torch	plastic plate	village
rucksack	half past eight	lake	towel

Place	Time	Thing	
0. *Kirby Bridge* 1. ..... 2.	3.	4. ..... 5.	6. ..... 7. .....

❖ **Listening**

FLYERS – PART 2

Listen and write ONE WORD or A NUMBER. There is one example.



CAMPING TRIP TO LAKE

Meet at:	*(0) Kirby Bridge*
Time:	half past **(1)** .....
Take:	a small **(2)** .....
	plastic **(3)** .....
	a **(4)** .....
	a **(5)** .....

LIVEWORKSHEETS

❖ **Mẹo: Chú ý bẫy trong bài nghe**

Trong khi nghe, hãy lưu ý những yếu tố dễ gây hiểu nhầm như:

• **Thông tin bị thay đổi:** Thường có 2–3 mốc thời gian hoặc lựa chọn, nhưng đáp án đúng là thông tin cuối cùng.

• **Câu phủ định:** Nếu nghe thấy *can't*, *don't*, *not*, hãy loại bỏ thông tin đi kèm ngay sau đó.

• **Từ khóa báo hiệu thay đổi:** Từ như *but*, *actually*, *so*, *in the end* thường xuất hiện ngay trước đáp án đúng.

Ví dụ:Câu hỏi: **What** did **William do** in **the school holiday**?



A



B



C

Bài nghe:

"MAN: Hello, William. Did you enjoy the holiday?

BOY: Yes, thanks. We went to London for a few days.

MAN: Did you visit any **museums (C)** or **theatres (B)**?

BOY: **No**, **but** we went to the **circus (A)**. It was excellent." → **Đáp án đúng là A. circus**

❖ **Pre-listening**

Match the words to the pictures.

~~0. circus~~	1. brother	2. small hotel	3. park
4. bread and jam	5. milk	6. football	7. whale

A.



B.



C.



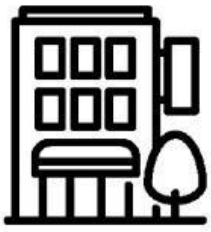
D.



E.



F.



G.



H.



Your answer:

0 - A	1 -	2 -	3 - .....
4 -	5 -	6 -	7 - .....

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

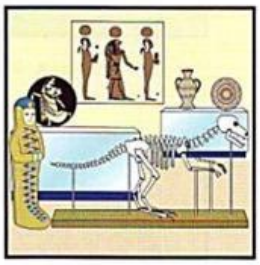
https://soundcloud.com/ms-chi-english/listening-for-daily-conversations-12

KET – PART 1

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

What did William do in the school holiday?





A ☑ B ☐ C ☐

1 Who did William go with?





A ☐ B ☐ C ☐

2 Where did William stay?

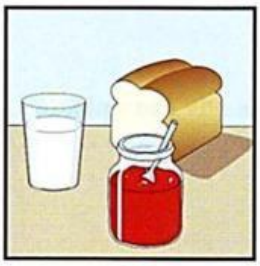




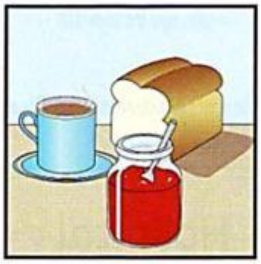

A ☐ B ☐ C ☐

LIVEWORKSHEETS

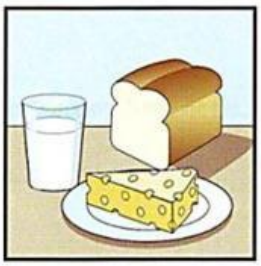
3 What did William have for breakfast?



A ☐



B ☐



C ☐

4 What did William buy?



A ☐



B ☐



C ☐

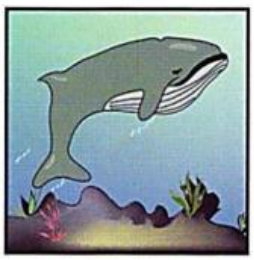
5 Which film did William see?



A ☐



B ☐



C ☐

LIVEWORKSHEETS

Tên: ……..

Lớp: S4…

Ngày giao bài: Thứ….., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ….., ngày…./….

Từ vựng: ……..

Nghe: ……..

Mini test: ……..

Listening Intensive

A. EXTRA VOCABULARY REVISION

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**racquet** (n)	vợt (quần vợt, cầu lông...)	11	**heat** (n)	hơi nóng, nhiệt
2	**keep sth simple** (phr)	giữ cái gì đó đơn giản, dễ hiểu	12	**fit** (adj)	khoẻ mạnh, dẻo dai
3	**pick sb up** (phr.v)	đón ai đó (bằng xe)	13	**Egyptian** (adj)	(thuộc) Ai Cập
4	**form** (v)	hình thành, tạo thành	14	**full price** (n)	giá gốc (chưa giảm, chưa khuyến mãi)
5	**photography** (n)	nhiếp ảnh	15	**usual** (adj)	thông thường
6	**exhibition** (n)	cuộc triển lãm	16	**energy-efficient** (adj)	tiết kiệm năng lượng
7	**black belt** (n)	đai đen (trong võ thuật)	17	**get off** (phr.v)	xuống (xe)
8	**leader** (n)	lãnh đạo	18	**neighbor** (n)	người hàng xóm
9	**trap** (v)	giữ lại (nhiệt, khí,...)	19	**book** (v)	đặt (vé, phòng,...)
10	**soil** (n)	đất, đất trồng			

Note: *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr = phrase: cụm từ; adj = adjective: tính từ; sth = something: cái gì đó; sb = somebody: ai đó.*

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Fill in the missing letters.

*0. I like **s n o w b o a r d i n g***  *because it is so much fun to play with snow.*

1. The **l** …… …… …… …… …… …… …… ……  is handing out books about inspiring people to students in the library.

2. The **c** …… …… …… …… …… …… …… ……  takes care of the school building and makes sure the sports field is ready.

3. The **c** …… …… …… …… **t** …… …… …… …… …… ……  is teaching English in the classroom.

4. Kids in my sports club love **k** …… …… …… …… ……  because it's exciting and helps them stay fit.

5. My club hopes to bring everyone living on the same street in my **n** …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… together in a football match. 

LIVEWORKSHEETS

II. Read and choose the correct answers.

MS ANNA – AN ENGLISH TEACHER

Ms Anna is an English teacher at Vinschool Primary School. Every morning, she arrives at the classroom, even if the weather is rainy or cold. She is always **cheerful** and greets her students warmly and asks about their morning. When the lesson begins, she sometimes shares a **riddle** or a short story to make everyone curious. Her students enjoy guessing the answers.

0. What does the word "cheerful" most likely mean?

(A.) *Happy and full of energy*

B. Quiet and sleepy

C. Angry and serious

1. Ms Anna sometimes tells a "riddle". What is a riddle?

A. A math problem with numbers

B. A funny question to solve

C. A song that students must sing

In her English lessons, Ms Anna uses many creative methods. She shows colorful flashcards, writes new words on the board, and uses pictures to explain meanings. Everyone listens carefully because she explains everything clearly. The classroom is always noisy with laughter, but it is a noise of happy learning.

2. What is the main idea of paragraph 2?

A. Ms Anna uses creative activities and games to teach English.

B. Ms Anna teaches only by writing long notes on the board.

C. Ms Anna asks students to be silent all the time.

3. Why do the students understand what to do in class?

A. Because Ms Anna explains what to do clearly.

B. Because Ms Anna gives them extra homework.

C. Because students only copy from the board.

After the school day, Ms Anna spends time checking her students' notebooks. If she notices someone making repeated mistakes, she gives them simple exercises to practice more. She also meets parents to share advice about learning at home. Ms Anna believes that English is not only a school subject. Her goal is to help every student feel confident using English when they talk with friends, travel, or join activities in the future.

4. What does Ms Anna do if a student makes mistakes?

A. She ignores the mistakes.

B. She gives students simple exercises.

C. She asks parents to do the homework.

5. What is Ms Anna's main goal for her students?

A. To win prizes.

B. To feel confident using English in daily life.

C. To read long novels in English.

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Con làm bài nghe theo link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/a1-beginner-english-listening-practice

FLYERS – PART 2

Listen and choose the correct answers. There is one example.



What's for lunch?

Food to make:	*(0) (salad) / rice*
Need:	(1) **red / green** vegetables
Need eggs?	(2) **yes / no**
How many bowls?	(3) **2 / 12**
The boy wants	(4) **juice / water**
They feel...	(5) **angry / hungry**

LIVEWORKSHEETS